

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 08/8/2025 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 15-65cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên theo triều. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 08/08 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-50cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 08/08 hầu hết ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-20cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn lên theo triều biển Tây. Mực nước cao nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-20cm. Mực nước thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-30cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh lên dần trong những ngày tới, biên độ nước lên trung bình từ 3-6cm/ngày.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước lên nhanh theo xu thế triều biển Đông, biên độ nước lên trung bình từ 5-10cm/ngày.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm theo triều và mưa nội vùng trong những ngày tới.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống theo xu thế triều biển Tây đến ngày 14/08.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 10/08/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 08/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			09/8	10/8	11/8	12/8	13/8	09/8	10/8	11/8	12/8	13/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	223	64	-16	269	46	2	271	274	279	281	282	220	222	225	229	233
Ông Chuông	Chợ Mới	200	250	300	126	30	8	222	23	44	227	232	236	239	241	126	128	131	134	138
Hậu	Khánh An	420	470	520	372	67	63	375	59	55	377	379	381	383	384	369	371	374	376	378
	Châu Đốc	300	350	400	173	26	-7	239	13	23	241	244	249	251	252	170	172	175	179	183
	Long Xuyên	190	220	250	80	10	18	206	8	48	214	219	224	228	230	80	82	85	88	92
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	135	30	-1	225	23	35	229	234	239	243	245	135	137	140	143	147
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	127	21	21	133	23	-17	134	135	138	141	146	128	129	132	135	139
	Vĩnh Gia	200	240	280	48	-7	-14	53	-10	-17	54	55	58	61	66	49	50	53	56	61
	Vĩnh Điều	170	200	230	45	-4	-13	51	-8	-20	52	53	56	59	64	46	47	50	53	58
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	42	-14	-14	48	-16	-17	49	50	53	56	61	43	44	47	50	55
T5	Nông Trường	160	190	220	49	-12	-11	55	-14	-13	56	57	60	63	68	50	51	54	57	62
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	94	4	-7	102	0	-5	103	104	107	110	115	95	96	99	102	107
	Cô Tô	140	180	220	92	-1	14	98	-4	16	99	100	102	105	110	93	94	96	99	104
	Nam Thái Sơn	90	120	150	52	-10	-	65	-6	-	66	67	69	72	77	53	54	56	59	64
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	50	-6	-17	54	-10	-19	55	56	58	61	66	51	52	54	57	62
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	99	-4	14	110	-5	17	111	112	114	117	122	100	101	103	106	111
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	140	12	17	168	10	31	169	170	172	175	180	141	142	144	147	152
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	72	-18	-23	93	-20	-11	94	95	97	100	105	73	74	76	79	84
	Tân Thành	120	150	180	68	-9	0	81	-6	2	82	83	85	88	93	69	70	72	75	80
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	52	-9	3	62	-6	3	63	64	66	69	74	53	54	56	59	64
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-18	-2	-3	35	-5	-7	36	37	39	42	45	-17	-15	-14	-12	-9
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-30	-29	-8	55	18	5	54	52	49	45	41	-28	-26	-24	-21	-18

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





